

# Thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ thủy sản của các hợp tác xã, doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản trên vùng lòng các hồ thủy điện tại Sơn La

TRƯƠNG THỊ LUÂN\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động nuôi trồng, sản xuất, chế biến và khả năng mở rộng hoạt động nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt là tác giả cũng tìm hiểu về những khó khăn trong nuôi trồng và tiêu thụ của các hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp (DN) nuôi trồng thủy sản vùng lòng các hồ thủy điện tại Sơn La. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù mức độ nuôi trồng thủy sản của Tỉnh tăng lên, nhưng sự phát triển nuôi trồng thủy sản của các huyện có vùng lòng hồ thủy điện chưa bắt kịp với nhu cầu thị trường. Ngoài ra, việc khai thác tiềm năng lòng các hồ còn nhiều hạn chế, do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững, năng suất chất lượng chưa cao, chưa đa dạng, chưa tạo được vùng sản xuất tập trung, an toàn, chưa gắn sản xuất với chế biến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm theo liên kết. Sản phẩm còn phụ thuộc nhiều vào thị trường.

**Từ khóa:** thủy sản, tỉnh Sơn La, nuôi trồng thủy sản, thủy sản vùng lòng hồ

## Summary

This study aims to discover the current status of aquafarming, production, processing and capacity of broadening aquaculture activities. Especially, it figures out the difficulties in the farming and consumption of aquaculture cooperatives, enterprises in Sơn La-based hydroelectric power reservoirs area. Although the level of aquafarming in the whole province has increased, the development of aquaculture in the districts with hydroelectric reservoir areas has not kept pace with market demand. In addition, the potential exploitation of these reservoirs stays limited due to the fact that the production is small in scale and lack of sustainability; the productivity is not high and diverse; it has not created a concentrated and safe production area; production has not yet associated with processing, promotion and consumption of products; the products are highly dependent on the market.

**Keywords:** Sơn La province, aquaculture, aquaculture in the reservoir area

## GIỚI THIỆU

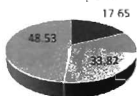
Là tỉnh miền núi ở vùng Tây Bắc ít có điều kiện phát triển kinh tế, nhưng Sơn La là địa phương có tiềm năng diện tích mặt nước có thể khai thác để nuôi trồng thủy sản với nhiều hồ thủy điện đã tích nước phát điện. Cụ thể là: diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản khoảng trên 8.000ha, trong đó 2.440ha ao, trên 5.000ha hồ đập công trình thủy lợi lớn nhỏ, gần 5.000ha ruộng lúa có thể kết

hợp nuôi cá. Có 2 con sông lớn là sông Đà và sông Mã, 35 dòng suối lớn nhỏ. Tỉnh Sơn La còn có hồ thủy điện Hòa Bình và thủy điện Sơn La với diện tích mặt nước thuộc địa phận tỉnh Sơn La là trên 20.000ha (hồ thủy điện Hòa Bình thuộc địa phận Sơn La là 7.900 ha, hồ thủy điện Sơn La là 13.000ha). Điều đó khẳng định Sơn La là một tỉnh miền núi có tiềm năng lớn để phát triển thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản trong các năm 2005, 2010, 2015 và dự kiến 2020 lần lượt là 2.088ha; 2.403ha; 3.905ha và 4.230ha (UBND tỉnh Sơn La, 2018). Bên cạnh đó, nguồn nhân lực để phát triển thủy sản ở tỉnh Sơn La tương đối mạnh so với

\* Th.S., Khoa Kinh tế, Trường đại học Tây Bắc

Ngày nhận bài: 19/04/2020; Ngày phân biên: 20/04/2020; Ngày duyệt đăng: 22/04/2020

## BIỂU ĐỒ 1: KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TIẾP CẬN NGUỒN GIỐNG



- Giống không được kiểm dịch
- Giống không đồng đều
- Không có nguồn cung cấp ổn định

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả

các tỉnh miền núi phía Bắc khác, như: Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu. Nhưng thị trường tiêu thụ còn nhỏ lẻ, manh mún, tư duy của người dân còn truyền thống, cũ kỹ... Chính vì vậy, việc nghiên cứu phát triển thị trường thủy sản cho vùng lòng các hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình trên địa bàn tỉnh Sơn La là rất cần thiết.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu trong nghiên cứu này được thu thập từ khảo sát thực tế trong tháng 8-10/2019 tại 5 huyện có vùng lòng các hồ thủy điện của tỉnh Sơn La là: Mường La, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Bắc Yên, Phù Yên, Vân Hồ với số mẫu là 68 HTX, DN nuôi trồng thủy sản. Phương pháp khảo sát dựa trên sự kết hợp điều tra bằng bảng hỏi và các cuộc phỏng vấn một - một để thu thập dữ liệu định tính và định lượng về tình hình thực tế đánh bắt, nuôi trồng, tiêu thụ thủy sản của các HTX, DN nuôi trồng thủy sản vùng lòng các hồ thủy điện tại Sơn La. Nhóm người được phỏng vấn chủ yếu là giám đốc của HTX, DN nuôi trồng thủy sản trên vùng lòng các hồ tại Sơn La.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Thực trạng về sản xuất của các DN, HTX nuôi trồng thủy sản vùng lòng các hồ thủy điện tại Sơn La**  
*Đặc điểm của các đơn vị được khảo sát*

Kết quả điều tra cho thấy, có 43 đơn vị được khảo sát (chiếm 63,24%) có thời gian nuôi thủy sản từ 3-5 năm, có 16 đơn vị (chiếm 23,53%) có thời gian nuôi thủy sản từ 1-3 năm và có 9 đơn vị (chiếm 13,24%) có thời gian nuôi trên 5 năm.

Và tất cả các đơn vị nuôi trồng thủy sản đều phải thuê thêm lao động phục vụ quá trình nuôi trồng và tiêu thụ. Mỗi năm, các đơn vị này đã tạo ra công ăn việc làm thường xuyên cho 793 lao động, trung bình mỗi đơn vị cần phải thuê thêm 12 người, đơn vị phải thuê nhiều nhất lên đến 38 lao động, đơn vị thuê ít nhất là 2 lao động. Đặc biệt, hầu hết các lao động thuê thêm đều là người dân địa phương chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.

*Sản xuất thủy sản tại các HTX, DN vùng lòng các hồ thủy điện tại Sơn La*

Tổng thể tích nuôi và số lồng nuôi của 68 đơn vị được khảo sát là 265.110m<sup>2</sup> và 9.994 lồng. Trung bình mỗi lồng nuôi cá có thể tích là 27m<sup>3</sup>/lồng. Trong đó, huyện Quỳnh Nhai có thể tích nuôi tập trung lớn nhất

tỉnh Sơn La. Các loài cá được nuôi phổ biến ở vùng lòng các hồ là cá chép, cá trắm, cá lăng, cá rô phi. Theo kết quả khảo sát, thì một HTX, DN có thể nuôi 4-5 loài cá một lúc. Việc này nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và cũng để duy trì liên tục việc sản xuất, tiêu thụ cá.

Kết quả khảo sát cho thấy, cá trắm là loài cá chiếm tỷ trọng cao nhất 42,74% tương đương là 760.400 kg/năm. Đây cũng là loài cá có giá bán trung bình là 70.700 đồng/kg và thời gian nuôi trên 1 năm mới được thu hoạch. Tiếp theo đó là cá lăng có sản lượng 325.000kg/năm chiếm 18,27%, cá lăng cũng có thời gian nuôi giống cá trắm, nhưng giá bán trung bình là 95.000 đồng/kg. Đây là 2 loài cá có sản lượng lớn nhất và giá bán là cao nhất trong các loài cá còn lại. Kết quả khảo sát cho thấy, cá rô phi là loài cá có thời gian nuôi ngắn nhất, mỗi năm cung cấp cho thị trường 264.000kg với mức giá trung bình là 40.000 đồng/kg.

Tất cả các HTX, DN hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, chính vì vậy, các loài cá được lựa chọn nuôi trong hồ là những loại có thể mang lại lợi nhuận tốt. Do đó, HTX, DN thường lựa chọn những loài có khả năng sinh trưởng nhanh, phù hợp với khí hậu và tự nhiên của vùng, dễ dàng chăm sóc, đáp ứng nhu cầu cá và sản phẩm thủy sản của địa phương.

Hiện nay, tỉnh Sơn La chưa có nhà máy sản xuất thức ăn cho cá hay các loài thủy sản nuôi trồng. Toàn bộ thức ăn của thủy sản được các HTX, DN mua từ các đại lý, thương lái hoặc một số thức ăn khác tự chế. Hơn thế, Sơn La là địa phương miền núi, cách xa với các khu công nghiệp, chế biến thức ăn chăn nuôi. Chính vì vậy, giá mua thức ăn cho cá là đắt hơn so với các vùng khác ở miền Bắc. Điều này góp phần làm tăng giá thành sản phẩm nuôi trồng nơi đây.

**Thực trạng về một số dịch vụ hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản**

*Giống thủy sản*

Kết quả điều tra cho thấy, có 48 đơn vị tương ứng 70,59% các được điều tra mua giống từ các trại giống ngoài tỉnh và 20 đơn vị còn lại tương ứng 29,41% mua giống từ các trại giống địa phương.

Tuy nhiên, các đơn vị được khảo sát cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn giống. Cụ thể, có 48,53% các đơn vị được khảo sát cho rằng nguồn giống mua về không qua kiểm dịch.

Có 33,82% đơn vị cho rằng, “không có nguồn cung cấp giống ổn định” và có 17,65% đơn vị cho rằng, “giống không đồng đều” (Biểu đồ 1).

#### Sử dụng dịch vụ thú y

Hiện nay, một số huyện cũng có cán bộ thú y có hiểu biết, kiến thức và trình độ về bệnh dịch. Tuy nhiên, số lượng cán bộ chuyên trách ít, nên chưa thực sự đáp ứng được hết nhu cầu về dịch vụ cho các đơn vị.

Toàn Tỉnh cũng chưa có chuyên gia về bệnh cá, không có các dịch vụ thú y cũng như chưa từng có một đơn vị nào cung cấp dịch vụ bệnh cá, thủy sản. Chính vì vậy, khi thủy sản bị bệnh thì 95,59% đơn vị được khảo sát tự mua thuốc về sử dụng/điều trị. Chỉ có 3 đơn vị tương đương 4,41% là lấy mẫu nước gửi kiểm định cơ quan chức năng của Tỉnh, sau đó mua thuốc tự xử lý. Không có đơn vị nào thông báo cho cán bộ phụ trách của xã. Đây chính là một thách thức đối với các đơn vị, chủ đề đảm bảo chất lượng sản phẩm xuất bán đạt chuẩn.

#### Thực trạng về bảo quản, chế biến sản phẩm thủy sản

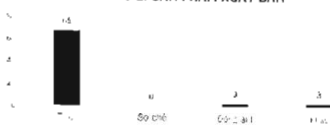
##### Chế biến sản phẩm thủy sản

Biểu đồ 2 cho thấy, toàn tỉnh Sơn La không có nhà máy hay đơn vị nào chế biến thủy sản và 100% HTX, DN có sản phẩm thủy sản tươi sống. Và chỉ có 3 đơn vị có sản phẩm xuất bán là đông lạnh và khác. Bên cạnh đó, không có đơn vị nào thực hiện bán sản phẩm đã qua sơ chế. Để có thể thúc đẩy tiêu thụ thủy sản, thì việc không có nhà máy chế biến sản phẩm chính là một thách thức lớn với các doanh nghiệp, HTX nơi đây. Bởi sản phẩm là cá tươi khó có thể vận chuyển đi xa. Nếu có nhà máy chế biến thì có thể sơ chế, cắt khúc, phi lê tại chỗ, rồi đóng gói thì sản phẩm xuất bán của các đơn vị có thể đa dạng hơn, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng. Nếu sản phẩm đạt đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể xuất khẩu ra nước ngoài.

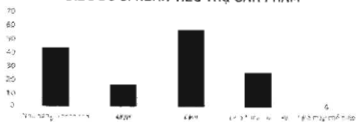
##### Bảo quản sản phẩm thủy sản

Kết quả khảo sát cho thấy các HTX, DN tại Sơn La chưa có khả năng bảo quản thủy sản nuôi trồng của đơn vị, không có máy móc thiết bị để lưu trữ, bảo quản trong thời gian dài mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thủy sản. Điều này có thể là do, 100% các đơn vị bán thủy sản tươi sống ngay sau khi thu hoạch cho khách hàng, nhà hàng, cửa hàng. hoặc chưa thực sự quan tâm, chưa đẩy đủ

BIỂU ĐỒ 2: SẢN PHẨM XUẤT BÁN



BIỂU ĐỒ 3: KÊNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM



Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát các tác giả

năng lực để đầu tư cơ sở vật chất để bảo quản sản phẩm sau khi thu hoạch. Chính vì vậy, hiện nay các đơn vị nuôi trồng thủy sản chưa có bốn để lưu trữ cá sống tạm thời, tủ đông, tủ trưng bày, container tải lạnh, xe đông lạnh, nước đá, xe vận chuyển đặc biệt.

#### Thực trạng về thị trường - tiêu thụ sản phẩm thủy sản

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% đơn vị được điều tra có sản phẩm xuất bán là tươi sống và thị trường tiêu thụ chính của các đơn vị này là trong tỉnh Sơn La, chỉ có rất ít đơn vị tiêu thụ sản phẩm thủy sản sang tỉnh khác. Cụ thể: có 23% số đơn vị được khảo sát là có tiêu thụ sang các tỉnh lân cận, như: Lai Châu, Điện Biên, nhưng sản lượng tiêu thụ sang tỉnh khác thấp, chỉ chiếm 20%-50% tổng sản lượng xuất ra.

Kênh tiêu thụ sản phẩm của các đơn vị được khảo sát chủ yếu ở: chợ, cửa hàng, siêu thị, nhà hàng, khách sạn. Tuy nhiên, trong 68 đơn vị được khảo sát, có 22 đơn vị cho rằng, hình thức tiêu thụ hiện nay đáp ứng nhu cầu của đơn vị; 46 đơn vị còn lại cho rằng, hình thức tiêu thụ hiện nay không đáp ứng yêu cầu của đơn vị và họ sẽ thay đổi hình thức tiêu thụ bằng cách tìm hiểu và mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận (Biểu đồ 3).

#### Những khó khăn và nguyện vọng của các đơn vị nuôi trồng thủy sản

Mặc dù kênh tiêu thụ hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu của các đơn vị, nhưng 100% đơn vị được khảo sát đều muốn đầu tư mở rộng diện tích/số lồng nuôi thủy sản. Bên cạnh quyết tâm tạo công ăn việc làm và làm giàu cho địa phương, thì các HTX, DN nuôi trồng gặp không ít những khó khăn, có đơn vị chỉ gặp 1-2 khó khăn, có nhiều đơn vị gặp đồng thời 4-5 khó khăn. Trong đó có 58 đơn vị được khảo sát cho rằng, HTX, DN bị “thiếu vốn” - đây là khó khăn lớn nhất trong các khó khăn còn lại. Tiếp theo là 42 đơn vị được khảo sát cho rằng “Thiếu diện tích nuôi trồng thủy sản”, có 25 đơn vị được lựa chọn đều bị thiếu thông tin về thị trường, 23 đơn vị khảo sát bị thiếu giống, 19 đơn vị gặp khó khăn trong tiêu thụ thủy sản (Biểu đồ 4).

